

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST
Ngày 26/02/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Ngọc Liêm;

Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Mai Hoàn D (Đ1), sinh ngày 23/02/2002, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con bà Mai Thị L, không xác định được họ tên cha; chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 06/11/2020 đến ngày 15/11/2020 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Trần Văn T, sinh năm 1994, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T5 và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Cẩm T1 (chưa đăng ký kết hôn), chưa có con;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Nhân thân: Ngày 22/4/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, với thời hạn 12 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; chấp hành xong ngày 26/12/2016;

Bị tạm giữ từ ngày 06/11/2020 đến ngày 15/11/2020 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Công D1, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Bùi Thị Cẩm T1, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

+ Ông Hà Thiện V, sinh năm 1980; nơi cư trú: số A, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1964; nơi cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Ông Lê Văn T2, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: Công ty xây dựng A, đường số A, khu S, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị H, sinh ngày 28/02/2001; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: số B, đường H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Quốc T3, sinh năm 1980; nơi cư trú: số C, Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Trần Thị Thanh V1; vắng mặt.

+ Ông Tô Tấn T4; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Mai Hoàn D rủ Trần Văn T đi tìm tài sản lấy trộm và T đồng ý. Khoảng 01 giờ ngày 06/11/2020, T điều khiển xe mô tô loại Wave, màu đen, có gắn biển số 60X2-3290, chở D từ phường M, thành phố L đến ấp A, xã A, huyện C, phát hiện nhà của Nguyễn Công D1 khóa cửa, nhưng không có người trông giữ, D cảnh giới cho T dùng cây vít chuẩn bị sẵn trong cốp xe, cạy ô khóa nhà, đi vào bên trong lấy trộm 200.000 đồng và 01 xe mô tô loại AIRBLADE, màu trắng xám, biển số 67L1-204.06 của D1 đem ra khỏi nhà. Do xe 67L1-204.06 lấy trộm được không có chìa khóa, nên D ngồi

trên xe này cầm lái cho T điều khiển xe 60X2-3290 để đẩy xe của D. Khi đến phà A thuộc xã H, huyện C, T ném cây vít xuống sông, tiếp tục điều khiển xe về nhà của Nguyễn Văn M (cha vợ của T) ở thành phố L, gặp M, Võ Thị Đ và Nguyễn Thị Cẩm T1 (mẹ vợ và vợ của T) đang ở trong nhà. T nói cho M biết xe 67L1-204.06 lấy trộm ở huyện C nên M lấy biển số 36K5-269.89 đưa D thay biển số 67L1-204.06 của xe mô tô đã lấy trộm. Sau đó, M điện thoại cho Huỳnh Thanh G (S) để bán xe, nhưng khi G đến kiểm tra trong cốp xe có 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM Ngân hàng CoopBank mang tên Nguyễn Công D1, nên không đồng ý mua mà kêu sửa ổ khóa xe rồi sẽ chỉ chỗ bán. Khoảng 07 giờ cùng ngày, D và T đem xe đến tiệm của Hà Thiện V để sửa ổ khóa, thì bị phát hiện, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Mới tạm giữ D và T.

- Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại AIRBLADE, màu trắng xám, không có mặt nạ trước; 01 mặt nạ xe mô tô màu trắng có chữ HONDA; 01 biển số 67L1-204.06; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM Ngân hàng CoopBank, đã trao trả cho Nguyễn Công D1; 01 biển số 36K5-269.89, đã trao trả cho Lê Văn T2; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đen, số khung RMNDCHBMN8H011560, số máy VHLFM152FMH-V00211560, có gắn biển số 60X2-3290; 01 nón kết màu đỏ có chữ Tommy; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh đen; 01 quần jean dài màu xanh; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh trắng; 01 quần short jean màu đen và 01 nón bảo hiểm màu đỏ, đang còn tạm giữ để xử lý.

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐG.TTHS ngày 10/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Mới: 01 xe mô tô biển số 67L1-204.06, nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn trắng xám, số khung 2705BY333741, số máy F27E-1370634, đã qua sử dụng, trị giá 10.000.000 đồng.

Ngày 15/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới khởi tố, tạm giam D và T để điều tra, xử lý.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKSCM ngày 12 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố các bị cáo Mai Hoàn D, Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo

khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về đồng phạm, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo D là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T chiếm đoạt tài sản; bị cáo T nghe theo lời rủ của bị cáo D nên cùng bị cáo D chiếm đoạt tài sản của bị hại. Các bị cáo có nhân thân không tốt do nghiện ma túy. Riêng bị cáo T còn bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Cho nên, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo D chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo D từ 09 tháng đến 01 năm tù; xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đen, số khung RMNDCHBMN8H011560, số máy VHLFM152FMH-V00211560; tịch thu, tiêu hủy các trang phục đã thu giữ của các bị cáo và biển số 60X2-3290.

Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên đề nghị không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo, bị cáo Mai Hoàn D khai nhận,

khoảng 18 giờ ngày 05/11/2020, bị cáo D rủ bị cáo Trần Văn T tìm tài sản lấy trộm và bị cáo T đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo T điều khiển xe mô tô loại Wave, có gắn biển số 60X2-3290, chở bị cáo D từ thành phố L đến huyện C tìm tài sản sơ hở lấy trộm. Khoảng 01 giờ ngày 06/11/2020, khi đến nhà của ông Nguyễn Công D1, tại xã A, huyện C, phát hiện không người trông giữ, bị cáo D đứng ngoài cảnh giới; bị cáo T dùng cây vít cạy ổ khóa nhà, đi vào bên trong lấy trộm 200.000 đồng, 01 xe mô tô loại AIRBLADE biển số 67L1-204.06. Do xe mô tô biển số 67L1-204.06 không có chìa khóa nên bị cáo D ngồi trên xe này cầm lái để bị cáo T điều khiển xe mô tô có gắn biển số 60X2-3290 đẩy đi về nhà của ông Nguyễn Văn M tại thành phố L. Khi đó, ông M lấy biển số 36K5-269.89 đưa cho bị cáo D thay biển số 67L1-204.06 của xe mô tô bị chiếm đoạt. Một lúc sau, ông Huỳnh Thanh G đến, kiểm tra xe mô tô nhưng không mua mà kêu các bị cáo sửa ổ khóa xe rồi sẽ chỉ chỗ để bán. Khoảng 07 giờ cùng ngày, các bị cáo tiêu xài số tiền 200.000 đồng chiếm đoạt được. Bị cáo T cho bị cáo D biết trong cốp xe mô tô bị chiếm đoạt có giấy chứng minh nhân dân và thẻ ATM Ngân hàng mang tên Nguyễn Công D1. Sau đó, các bị cáo đem xe mô tô chiếm đoạt được đến tiệm của ông Hà Thiện V để sửa ổ khóa thì bị Công an phường M, thành phố L đưa về trụ sở làm việc. Khi đó, các bị cáo khai nhận việc trộm cắp tài sản của bị hại.

Bị cáo Trần Văn T khai nhận, do được bị cáo D rủ nên bị cáo T có cùng bị cáo D chiếm đoạt tài sản của bị hại với diễn biến sự việc như bị cáo D trình bày. Bên cạnh đó, bị cáo T còn khai, cây vít được dùng để cạy khóa đột nhập vào nhà bị hại là của bị cáo T và đã ném xuống sông khi đến phà A. Về tới nhà ông M, bị cáo Tuấn có nói cho ông M biết xe mô tô biển số 67L1-204.06 có được do trộm nên ông M lấy biển số 36K5-269.89 đưa cho bị cáo D thay biển số 67L1-204.06 của xe mô tô bị chiếm đoạt. Đồng thời, ông M gọi điện cho ông G để bán xe mô tô bị chiếm đoạt được nhưng ông G không mua.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của từng bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với nhau; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 07/11/2020 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C lập; lời khai của ông Tô Tấn T4, bà Trần Thị Thanh V1 về việc phát hiện nhà của bị hại bị mở cửa nên điện thoại cho cha của bị hại (ông Nguyễn Văn T5) biết vào khoảng 04 giờ ngày 06/11/2020; lời khai của ông Nguyễn Công D1, Bùi Thị Cẩm T1 (vợ của ông D1) về việc ông D1 được ông T5 gọi điện cho biết nhà của ông D1 bị mất trộm vào khoảng 04 giờ ngày 06/11/2020. Ông D1 về kiểm tra phát hiện mất 01 xe mô tô biển số 67L1-204.06, số tiền 200.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM Ngân hàng CoopBank (không có tiền trong tài khoản). Đây là tài sản riêng và giấy tờ tùy thân của ông D1. Khi đó, ông D1 điện thoại cho bà T1 biết; lời khai của bà Võ Thị Đ (mẹ vợ của bị cáo T) về việc được lực lượng Công an đến nhà cho biết các bị cáo lấy trộm xe mô tô 67L1-204.06 của người khác vào khoảng 16 giờ

ngày 06/11/2020. Khi đó, bà Đ thấy có 01 biển số 67L1-204.06 để tại đồng phế liệu gần nhà nên đã giao nộp cho Công an; lời khai của ông Hà Thiện V về việc các bị cáo có mang xe mô tô loại AIRBLADE đến tiệm sửa xe của ông V để sửa ổ khóa vào sáng ngày 06/11/2020 thì bị Công an phát hiện.

Ngoài ra, lời khai của các bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ gồm: 01 xe mô tô loại AIRBLADE, không có mặt nạ trước; 01 mặt nạ xe mô tô màu trắng có chữ HONDA; 01 biển số 67L1-204.06; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM Ngân hàng CoopBank; 01 biển số 36K5-269.89; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, có gắn biển số 60X2-3290; 01 nón kết màu đỏ, 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần jean dài, 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần short jean và 01 nón bảo hiểm.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô loại AIRBLADE biển số 67L1-204.06 và số tiền 200.000 đồng của bị hại.

Về giá trị tài sản bị chiếm đoạt, theo Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐG.TTHS ngày 10/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Mới, 01 xe mô tô biển số 67L1-204.06, nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn trắng xám, số khung 2705BY333741, số máy F27E-1370634, đã qua sử dụng, trị giá 10.000.000 đồng. Cùng với số tiền 200.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 10.200.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua cách thức thực hiện hành vi chiếm đoạt, có người cảnh giới, người thực hiện, nhanh chóng mang tài sản đến nơi khác cất giấu, thay biển số nhằm tránh sự phát hiện của bị hại, cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân:

Quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng đối với con người. Để sở hữu được tài sản, người lao động phải trải qua quá trình lao động vất vả có thể qua nhiều thế hệ mới tạo lập được. Cho nên, quyền sở hữu được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác đáp ứng quy định của pháp luật sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Các bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, các bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, các bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Bên cạnh đó, xét về đồng phạm, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ nên giữa các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo D là người rủ rê, cảnh giới để bị cáo T đột nhập vào nhà của bị hại chiếm đoạt tài sản và cùng bị cáo T sửa khóa xe mô tô để tiêu thụ; bị cáo T chuẩn bị phương tiện phạm tội, trực tiếp đột nhập vào nhà bị hại chiếm đoạt tài sản và cùng bị cáo D sửa khóa xe mô tô để tiêu thụ. Bên cạnh đó, các bị cáo có nhân thân không tốt do sử dụng ma túy trong khoảng thời gian dài. Riêng bị cáo T còn bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, với thời hạn 12 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 22/4/2016.

Do đó, cần có hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã tỏ thái độ thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có liên quan:

- Theo lời khai của các bị cáo, sau khi lấy trộm tài sản của bị hại, các bị cáo mang xe mô tô bị chiếm đoạt về nhà của ông Nguyễn Văn M. Khi có mặt của bà Nguyễn Thị Cẩm T1, bị cáo T nói cho ông M biết xe mô tô biển số 67L1-204.06 do trộm cắp mà có. Ông M đưa cho bị cáo D biển số 36K5-269.89 để thay vào xe mô tô bị chiếm đoạt. Đồng thời, ông M gọi điện thoại kêu Huỳnh Thanh G bán xe mô tô biển số 67L1-204.06. Do phát hiện giấy tờ tùy thân của bị hại trong cốp xe nên G không mua và kêu các bị cáo mang đi sửa ổ khóa rồi chỉ chỗ bán. Tuy nhiên, qua xác minh, các ông, bà M, T1, G đã đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

- Theo lời khai của bà Bùi Thị H, ông Lê Văn T2, thông tin do Công an phường B, thành phố L cung cấp (tại biên bản xác minh ngày 14/12/2020 do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới lập) thì bà H có đứng tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 36K5-269.89 và đã bán xe mô tô này cho Lê Văn T2, không làm giấy tờ mua bán, chưa sang tên chủ sở hữu. Ngày 18/9/2020, ông T2 dựng xe mô tô biển số 36K5-269.89 ở Công ty A thuộc phường B, thành phố L.

Đến khoảng 03 giờ ngày 19/9/2020, ông T2 phát hiện xe mô tô biển số 36K5-269.89 bị mất trộm nên trình báo Công an phường B. Hiện tại, Công an phường B đang xác minh làm rõ. Do vụ việc thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không đề cập giải quyết trong cùng vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

- Bà Đ giao nộp biển số xe 67L1-204.06; ông Hà Thiện V có hành vi nhận sửa khóa xe mô tô bị chiếm đoạt. Tuy nhiên, bà Đ, ông V không biết xe mô tô biển số 67L1-204.06 là tài sản do phạm tội mà có nên trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với bà Đ, ông V là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại 01 xe mô tô biển số 67L1-204.06 bị chiếm đoạt, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM Ngân hàng CoopBank do bị hại đứng tên; trao trả cho ông T2 01 biển số xe 36K5-269.89 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

- Đối với xe mô tô hiệu Wave, có gắn biển số 60X2-3290, bị cáo T khai, bị cáo Tuấn mua xe mô tô này của Huỳnh Thanh G, không giấy tờ. Tuy nhiên, theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 23/11/2020 của Công an huyện C, xe mô tô bị thu giữ có số máy VHLFM152FMHV00211560, số khung RMNDCHBMN8H011560 và không tìm thấy dữ liệu của xe mô tô này. Bên cạnh đó, theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 23/11/2020 của Công an huyện C, xe mô tô biển số 60X2-3290 có nhãn hiệu HONDA@STRAMW, số loại 110, màu sơn đen xám trắng, số máy và số khung 400772 do ông Nguyễn Quốc T3 đứng tên chủ sở hữu. Đồng thời, ông Nguyễn Quốc T3 khai có đứng tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 60X2-3290 và đã bán cho người lạ vào năm 2012.

Như vậy, xe mô tô hiệu Wave, bị thu giữ, không đủ điều kiện lưu thông và các bị cáo sử dụng xe mô tô này làm phương tiện phạm tội. Cho nên, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước xe mô tô hiệu Wave, bị thu giữ theo các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Biển số xe 60X2-3290 và các trang phục gồm: 01 nón kết, 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần jean dài, 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần short jean và 01 nón bảo hiểm, được bị cáo D, bị cáo T mặc vào ngày thực hiện hành vi phạm tội là vật có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội. Do các vật này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận xe mô tô bị chiếm đoạt, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM Ngân hàng CoopBank, ông D1 không yêu

cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại đối với tài sản bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Mai Hoàn D (Đ1) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Mai Hoàn D: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 06/11/2020 (*ngày sáu, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Trần Văn T: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 06/11/2020 (*ngày sáu, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu đen, số khung: RMND CHBMN8H011560, số máy: VHLFM152FMH-V00211560 (đã qua sử dụng);

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) nón kết màu đỏ có chữ Tommy (đã qua sử dụng);

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xanh đen (đã qua sử dụng);

+ 01 (một) quần jean dài màu xanh (đã qua sử dụng);

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xanh trắng (đã qua sử dụng);

+ 01 (một) quần short jean màu đen (đã qua sử dụng);

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ (đã qua sử dụng);

+ 01 (một) biển số 60X2 – 3290.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/02/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Mai Hoàn D, Trần Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Công D1, bà Bùi Thị Cẩm T1, ông Hà Thiện V, bà Võ Thị Đ, ông Lê Văn T2, bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Quốc T3 là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an H. C;
- CQTHAHS Công an H. C;
- CQĐT Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. C;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình